

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 54/2019/DS-GĐT

Ngày 03/10/2019

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**FDVN LAW FIRM**  
Tài liệu nghiệp vụ

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:**

Thẩm phán Lại Văn Trình - Phó Chánh án làm chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán Lê Tụ - Thành viên

Thẩm phán Trương Minh Tuấn - Thành viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng** tham gia phiên tòa:  
Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, cư trú: F, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Lê Thị Trà M, Luật sư của công ty Luật Hợp danh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Ông Bùi Quang R, Luật sư của công ty Luật Hợp danh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, cư trú: NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trương Công Th, cư trú: Tr, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2017);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Minh B, Luật sư của Công ty Luật TNHH Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: W, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L, cư trú: Khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước;  
Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Nguyễn Thị A, cư trú: F, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền ngày 08/6/2018);
- Bà Nguyễn Thị M, cư trú: J, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bà Nguyễn Thị H, cư trú: Thôn C, xã T, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ông Nguyễn Văn T, cư trú: V, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ông Nguyễn Văn B;
- Ông Nguyễn Văn T;
- Ông Nguyễn Văn Q;  
Cùng cư trú: L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Bà Trần Thị L1; cư trú: NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ông Nguyễn Văn C, cư trú: N, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bà Nguyễn Thị T, cư trú: N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;  
Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị V, cư trú: NT, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017);
- Bà Nguyễn Thị D, cư trú: NT, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bà Nguyễn Thị B (M), cư trú: 11 Kiệt 31 Nguyễn Phúc Lan, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bà Nguyễn Thị V, cư trú: NT, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ông Nguyễn Đức T, cư trú: TN, phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;
- Bà Nguyễn Thị Lan H1, cư trú: S, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ông Nguyễn Đức Ph, cư trú: NT, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bà Nguyễn Thị Minh Ph, cư trú: T, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Ông Nguyễn Đức Th, cư trú: V, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bà Trần Thị Th, cư trú: TN, Tổ F, Khu phố B, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Dương Thị D; cư trú: NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/8/2016 và quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày: Bố mẹ của bà là cụ Nguyễn Đức L và cụ Trần Thị C có 06 người con chung là: Bà Nguyễn Thị H (chết ngày 02/01/1968), ông Nguyễn Văn Tr

(chết ngày 15/4/2004), ông Nguyễn Đức C (chết ngày 12/3/1975), bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị A.

Quá trình chung sống, cụ L và cụ C tạo lập được ngôi nhà diện tích khoảng 87m<sup>2</sup> gắn liền với diện tích đất 343m<sup>2</sup>, thửa đất số 78, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại số NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr và bà Trần Thị L1 ở cùng với bố, mẹ tại ngôi nhà này.

Năm 1982, cụ L chết; Năm 2004, cụ C và ông Tr chết. Sau khi cụ C chết, vợ và các con ông Tr vẫn ở ngôi nhà này. Ông Nguyễn Văn D (con trai ông Tr và bà L) đã tự ý xây dựng nhà, nhưng không được sự đồng ý của những người thừa kế. Vì vậy, Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế.

- *Phía bị đơn trình bày:* Ông thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị A về quan hệ huyết thống và nguồn gốc nhà, đất tại số NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A, vì lý do:

Ngày 06/8/1993, cụ Trần Thị C đã lập Bản thỏa thuận giao chia tài sản cho con cháu với nội dung như sau: "... *Giao cho con trai Nguyễn Văn Tr căn nhà lớn và diện tích đất là 295m<sup>2</sup> có ranh giới, mốc giới cụ thể, và giao cho Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Ph căn nhà dưới và diện tích đất là 135m<sup>2</sup>. Tôi viết giấy này để làm di chúc sau này và làm bằng chứng cho con trai tôi và cháu nội tôi được toàn quyền quyết định và sử dụng, ngoài ra không ai được phân chia thêm ngoài di chúc này được, nhờ chính quyền địa phương xác định cho chúng tôi để khởi trở ngại sau này...*". Việc phân chia tài sản này tất cả các con và các cháu của cụ C đều biết và không ai có ý kiến gì. Khi còn sống, ông, bà nội (cụ L và cụ C) đã giao nhà, đất cho bố Ông là ông Nguyễn Văn Tr và hai cháu nội là Ph và T để ở. Sau khi ông Tr mất, mẹ Ông là bà Trần Thị L1 và các anh, chị, em của Ông được thừa hưởng di sản của bố Ông để lại.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:* Các bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Trần Thị Th, Nguyễn Thị Lan H1, Nguyễn Thị Minh Ph; các ông: Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Ph, Nguyễn Đức Th đều xác định nhà, đất tại số NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là di sản của cụ L, cụ C để lại nên yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Các ông, bà Trần Thị L1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị B (M), Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn B (là vợ và các con của ông Tr) thống nhất như trình bày của ông D.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị D (vợ của ông D) trình bày: Bà về làm dâu và ở cùng bố mẹ chồng (ông Tr và bà L) từ năm 1999. Năm 2005, vợ chồng bà có làm thêm mái tôn nhà trên, xây dựng nhà dưới, nhưng do bà A khiếu nại nên Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H đã cưỡng chế tháo dỡ, đập các bức tường. Ngoài ra không có ai xây dựng sửa chữa gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 07/8/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 801/2018/QĐ-SCBSBA ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

“1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Đức L là năm 1982, cụ Trần Thị C là năm 2004.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ L và cụ C là ngôi nhà kết cấu mái ngói, tường Bê tông, nền lát gạch diện tích 76,8m<sup>2</sup> gắn liền với diện tích đất 348,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 78, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có tổng giá trị là 3.591.643.000 đồng.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ L, cụ C gồm 06 người là: Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Đức C, Nguyễn Thị A.

- Ông Tr chết năm 2004 nên các thừa kế của ông Tr gồm các ông, bà Trần Thị L1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị B (M), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn C được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông Tr.

- Ông Nguyễn Đức C chết năm năm 1975 nên các thừa kế của ông C gồm các ông, bà: Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Ph, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Thị Minh Ph, Nguyễn Thị Lan H1 được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của ông C.

- Bà Nguyễn Thị H chết năm 1968 nên các thừa kế của bà H gồm Nguyễn Thị H, Trần Thị Th được đồng sở hữu một kỷ phần thừa kế của bà H.

5. Trích công sức quản lý di sản cho bà Trần Thị L1, Dương Thị D, ông Nguyễn Văn D mỗi người được hưởng 5% giá trị di sản thừa kế với số tiền: 179.582.000 đồng (số tiền này được trích trong phần giá trị di sản là đất được giao cho bà D và những người thừa kế của ông Tr). Tổng số tiền trích công sức quản lý di sản là: 538.746.000 đồng.

6. Tổng giá trị di sản của cụ L, cụ C còn lại để chia theo quy định của pháp luật là: 3.052.879.000 đồng (3.591.643.000 đồng - 538.746.000 đồng).

7. Chia giá trị như sau:

- Chia cho các bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L, các con của ông Nguyễn Đức C, các con của bà Nguyễn Thị H được hưởng phần di sản là nhà có diện tích 76,8m<sup>2</sup> và 236m<sup>2</sup> đất có tổng giá trị 2.462.643.000 đồng, mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị 492.528.600 đồng.

Các ông bà: Nguyễn Đức Th, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Ph, Nguyễn Thị Lan H1, Nguyễn Thị Minh Ph mỗi người được hưởng 1/5 kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Đức C với số tiền: 492.528.600 đồng : 5 = 98.505.720 đồng

Bà Trần Thị Th, Nguyễn Thị H mỗi người được hưởng 1/2 kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị H với số tiền: 492.528.600 đồng : 2 = 246.264.300 đồng.

Các ông, bà Trần Thị L1, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị B (M), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn C được hưởng 1 kỳ phân thừa kế của ông Nguyễn Văn Tr với giá trị: 590.254.000 đồng.

8. Chia hiện vật như sau:

- Tạm giao cho các ông, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Đức T ngôi nhà diện tích 76,8m<sup>2</sup> và phần đất diện tích 236m<sup>2</sup> tại thửa đất số 78, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại NB, phường A, thành phố H có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 80 tờ bản đồ số 25, dài 24,05m; Phía Tây giáp đường Ngự Bình, dài 9,9m; Phía Nam là ranh giới phân chia phần đất tạm giao cho mỗi bên, dài 23,55m; Phía Đông giáp thửa 246 (đất nghĩa địa) dài 9,92m.

(Nhà số 1, phần đất số I).

- Tạm giao cho bà Dương Thị D các thừa kế của ông Tr gồm bà Trần Thị L1, ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn C ngôi nhà diện tích 76m<sup>2</sup> và phần diện tích đất 112,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 78, tờ bản đồ 25, tọa lạc tại NB, phường A, thành phố H có tứ cận như sau: Phía Bắc là ranh giới phân chia phần đất tạm giao cho mỗi bên, dài 28,55m; Phía Nam giáp thửa đất số 79 tờ bản đồ 25; dài 28,42m; Phía Tây giáp đường Ngự Bình, dài 4m; Phía Đông giáp thửa 246 (đất nghĩa địa), dài 3,8m.

(Nhà số 2, phần đất số II).

(Phần nhà đất giao cho các đương sự có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có nghĩa vụ phải đăng ký quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

9. Ghi nhận sự thỏa thuận của các ông bà: Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức Ph, Nguyễn Thị Lan H1, Nguyễn Thị Minh Ph, Nguyễn Thị H, Trần Thị Th như sau:

- Ông Nguyễn Đức T phải thanh toán cho các ông, bà Nguyễn Đức Ph, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Thị Lan H1, Nguyễn Thị Minh Ph mỗi người là: 98.505.720 đồng.

- Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Đức T phải thanh toán cho bà Trần Thị Th, Nguyễn Thị H mỗi người là: 246.264.300 đồng.

10. Buộc bà Trần Thị L1 phải chuyển chỗ ở, vợ chồng bà Dương Thị D và ông Nguyễn Văn D phải tháo dỡ mái tôn diện tích 46m<sup>2</sup> để giao nhà, đất cho các ông bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị M, Nguyễn Đức T.

Bà Trần Thị L1 có quyền lưu cư trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí định giá, quyền thi

hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 20/8/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2018/DS-PT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, quyết định:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:*

- 1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.*
- 2. Giữ nguyên toàn bộ Bản án sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế”.*

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 07/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Ngày 21/3/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn D có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Ngày 26/4/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1 có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 65/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 04/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2018/DS-PT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc nhà và đất tại số NB, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là của vợ chồng cụ Nguyễn Đức L và cụ Trần Thị C tạo lập.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D cho rằng gia đình ông có khai phá thêm diện tích đất khoảng 40m<sup>2</sup>, vị trí khai phá là phía sau núi; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chưa làm rõ nội dung này, bởi vì:

Theo Công văn số 512/UBND-ĐC ngày 28/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H cung cấp thông tin: “*Tại Bản đồ địa chính đo đạc năm 1996, thửa đất số 78, tờ bản đồ 25, diện tích là 311,3m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Văn Tr đăng*

ký tên; Bản đồ GIS Huế năm 2007 thửa đất số 78, tờ bản đồ 25, diện tích 341,9m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Văn D có tên đăng ký”; đồng thời, tại Biên bản phiên tòa phúc thẩm ngày 27/11/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A khai “Ông D coi nói là phía sau lưng núi và cũng đã xác định là đất của Nhà nước chứ không phải của ông D”; ngoài ra, quá trình giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, ông D nộp Đơn trình bày ngày 23/7/2019 được UBND phường A, thành phố H xác nhận ngày 26/7/2019 có nội dung: “Hiện trạng thửa đất có diện tích tăng khoảng 40 m<sup>2</sup> so với diện tích đăng ký bản đồ 202 do gia đình ông Nguyễn Văn D đã coi nói thêm đất công do nhà nước quản lý”; như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm cho rằng ông D không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh từ đó không chấp nhận yêu cầu của ông D là chưa thỏa đáng. Trong trường hợp này, Tòa án cần xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến việc coi nói diện tích đất, thì mới có cơ sở để xác định phần di sản của cụ L và cụ C để làm căn cứ chia di sản.

[2] Bà Trần Thị L1 (sinh 1939) về làm dâu và ở cùng với cụ L, cụ C từ năm 1961, có công sức rất lớn trong việc giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản, nhưng Tòa án hai cấp chỉ tính công sức đóng góp của bà L bằng với bà Dương Thị D về làm dâu bà L từ năm 1999 là không hợp lý. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cần phải căn cứ vào yêu cầu, khả năng, hoàn cảnh, điều kiện thực tế của mỗi người để làm cơ sở xem xét, quyết định về việc giao tài sản bằng hiện vật.

[3] Ông Nguyễn Văn D chỉ mới xây dựng phần móng nhà và tường thì bức tường đã bị tháo dỡ, còn lại phần móng nhà; nhưng Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm quyết định: “Tạm giao cho bà Dương Thị D và các thừa kế của ông Tr ngôi nhà số 2, diện tích 76m<sup>2</sup>” là không đúng như thực tế, gây khó khăn cho công tác thi hành án; hơn nữa, việc tuyên “Tạm giao” như vậy là không rõ ràng, ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng đất; lẽ ra, trong trường hợp này, do thửa đất số 78, tờ bản đồ số 25, phường A, thành phố H thuộc quy hoạch chi tiết khu Trung tâm văn hóa phía Tây Nam thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo Công văn số 1342/QLĐT-QH ngày 14/9/2017 của Phòng Quản lý Đô thị - UBND thành phố H) thì Tòa án cần phải xác minh, làm rõ phần diện tích đất thuộc quy hoạch trên, trong trường hợp giải tòa sẽ được xử lý như thế nào, từ đó mới có cơ sở để quyết định về vấn đề chia thừa kế một cách rõ ràng, đích xác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2018/DS-PT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 và Điều 349 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2018/DS-PT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A với bị đơn là ông Nguyễn Văn D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (2 bản kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ, hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**LẠI VĂN TRÌNH**